

Số: 28/QĐ-THPTPVN

Ý Yên, 15 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai danh sách học sinh được miễn giảm học phí,
hỗ trợ chi phí học tập Năm học 2024-2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NQ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1617/HD-SGDĐT ngày 30/8/2024 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý thu, chi học phí đối với các cơ sở giáo dục do tình quản lý năm học 2024-2025, trường THPT Phạm Văn Nghị cam kết thực hiện thu học phí năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách học sinh được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận tài vụ và cán bộ công nhân viên chức tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hà Trung



**DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo QĐ số 28/QĐ- THTPVN ngày 15/05/2025)

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Đinh Ngọc Sơn	10A4	Khuyết tật	4	360,000	
2	Đinh Duy Mạnh	10A4	Khuyết tật	4	360,000	
3	Trịnh Công Khanh	10A4	TB 42%	4	360,000	
4	Phạm Thị Thảo Nguyên	10A5	Hộ nghèo	4	360,000	
5	Dương Đức Thắng	10A9	BB61%	4	360,000	
6	Vũ Quỳnh Anh	10A9	Hộ nghèo	4	360,000	
7	Nguyễn Hải Yến	10A10	Khuyết tật	4	360,000	
8	Nguyễn Thị Bảo Chi	11A4	BB61%	4	360,000	
9	Thắm Thị Yến	11A10	Hộ nghèo	4	360,000	
10	Nguyễn Đức Anh	12A4	TB 35%	4	360,000	
11	Nguyễn Thị Lành	12A5	Hộ nghèo	4	360,000	
12	Đinh Thị Mỹ Huyền	12A9	Mồ Côi	4	360,000	
13	Trịnh Tuấn Anh	12A9	TB 42%	4	360,000	
14	Nguyễn Thị Thu Thủy	12A9	Hộ nghèo	4	360,000	
15	Lê Thị Ngọc Linh	10A1	Cận nghèo	4	180,000	
16	Vũ Thị Phương Thảo	10A2	Cận nghèo	4	180,000	
17	Ninh Thế Duy	10A3	Cận nghèo	4	180,000	
18	Lê Thị Hồng Ngọc	10A3	Cận nghèo	4	180,000	
19	Hoàng Đức Khiêm	10A4	Cận nghèo	4	180,000	
20	Khiếu Huy Mạnh	10A5	Cận nghèo	4	180,000	
21	Trần Thị Thu Huyền	10A6	Cận nghèo	4	180,000	
22	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10A6	Cận nghèo	4	180,000	
23	Nguyễn Thị Dinh	10A8	Cận nghèo	4	180,000	
24	Nguyễn Thị Xuân Nhi	10A9	Cận nghèo	4	180,000	
25	Trần Thị Tố Uyên	10A9	Cận nghèo	4	180,000	
26	Đỗ Thị Quỳnh Trang	10A9	Cận nghèo	4	180,000	
27	Nguyễn Phương Anh	10A9	Cận nghèo	4	180,000	
28	Dương Thị Linh	10A10	Cận nghèo	4	180,000	
29	Lê Thị Quỳnh Anh	11A1	Cận nghèo	4	180,000	
30	Ngô Quỳnh Chi	11A1	Cận nghèo	4	180,000	
31	Đinh Thị Dung	11A2	Cận nghèo	4	180,000	
32	Nguyễn Minh Nghĩa	11A2	MSLD	4	180,000	
33	Đinh Thị Hà Linh	11A3	Cận nghèo	4	180,000	
34	Ninh Thị Phương Linh	11A4	Cận nghèo	4	180,000	



35	Văn Thị Thuý	11A4	Cận nghèo	4	180,000	
36	Lê Thị Minh Ánh	11A8	Cận nghèo	4	180,000	
37	Tổng Thị Huế	11A8	Cận nghèo	4	180,000	
38	Nguyễn Thị Minh Ánh	11A8	Cận nghèo	4	180,000	
39	Đào Nhật Tân	11A9	Cận nghèo	4	180,000	
40	Ngô Thị Phương Mai	11A9	Cận nghèo	4	180,000	
41	Vũ Đỗ Tiến Tú	11A10	Cận nghèo	4	180,000	
42	Đặng Thanh Bình	12A1	Cận nghèo	4	180,000	
43	Phạm Huy Hoàng	12A1	Cận nghèo	4	180,000	
44	Kiều Nguyễn Gia Bảo	12A1	Cận nghèo	4	180,000	
45	Lê Thị Xuân Mai	12A2	Cận nghèo	4	180,000	
46	Đinh Thị Kiều Trang	12A2	Cận nghèo	4	180,000	
47	Đồng Thị Khánh Linh	12A3	Cận nghèo	4	180,000	
48	Bùi Thị Hoa Quỳnh	12A4	Cận nghèo	4	180,000	
49	Đoàn Thị Ngọc Diệp	12A5	Cận nghèo	4	180,000	
50	Dương Thị Thảo Nhi	12A5	Cận nghèo	4	180,000	
51	Vũ Thị Hương	12A7	Cận nghèo	4	180,000	
52	Ngô Thị Khánh Vân	12A8	Cận nghèo	4	180,000	
53	Vũ Thị Thảo	12A8	Cận nghèo	4	180,000	
54	Nguyễn Thị Vi	12A9	Cận nghèo	4	180,000	
55	Đinh Yến Nhi	12A10	Cận nghèo	4	180,000	
56	Vũ Thị Mơ	12A10	Cận nghèo	4	180,000	





SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo QĐ số 28/QĐ- THPTPVN ngày 15/05/2025)

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT	Ghi chú
1	Đinh Ngọc Sơn	10A4	Khuyết tật	4	600,000	
2	Đinh Duy Mạnh	10A4	Khuyết tật	4	600,000	
3	Phạm Thị Thảo Nguyên	10A5	Hộ nghèo	4	600,000	
4	Vũ Quỳnh Anh	10A9	Hộ nghèo	4	600,000	
5	Nguyễn Hải Yến	10A10	Khuyết tật	4	600,000	
6	Thắm Thị Yến	11A10	Hộ nghèo	4	600,000	
7	Nguyễn Thị Lành	12A5	Hộ nghèo	4	600,000	
8	Đinh Thị Mỹ Huyền	12A9	Mồ Côi	4	600,000	
9	Nguyễn Thị Thu Thủy	12A9	Hộ nghèo	4	600,000	



SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo QĐ số 28/QĐ- THPTPVN ngày 15/05/2025)

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Đỗ Thị Hồng Na	10A1	Hộ nghèo	5	450,000	
2	Đinh Ngọc Sơn	10A4	Khuyết tật	5	450,000	
3	Đinh Duy Mạnh	10A4	Khuyết tật	5	450,000	
4	Trịnh Công Khanh	10A4	TB 42%	5	450,000	
5	Phạm Thị Thảo Nguyên	10A5	Hộ nghèo	5	450,000	
6	Dương Đức Thắng	10A9	BB 61%	5	450,000	
7	Vũ Quỳnh Anh	10A9	Hộ nghèo	5	450,000	
8	Nguyễn Hải Yên	10A10	Khuyết tật	5	450,000	
9	Nguyễn Thị Bảo Chi	11A4	BB 61%	5	450,000	
10	Thắm Thị Yên	11A10	Hộ nghèo	5	450,000	
11	Nguyễn Đức Anh	12A4	TB 35%	5	450,000	
12	Nguyễn Thị Lành	12A5	Hộ nghèo	5	450,000	
13	Đinh Thị Mỹ Huyền	12A9	Mồ Côi	5	450,000	
14	Trịnh Tuấn Anh	12A9	TB 42%	5	450,000	
15	Nguyễn Thị Thu Thủy	12A9	Hộ nghèo	5	450,000	
16	Nguyễn Phương Linh	10A1	Cận nghèo	5	225,000	
17	Lê Thị Ngọc Linh	10A1	Cận nghèo	5	225,000	
18	Vũ Thị Phương Thảo	10A2	Cận nghèo	5	225,000	
19	Ninh Thế Duy	10A3	Cận nghèo	5	225,000	
20	Lê Thị Hồng Ngọc	10A3	Cận nghèo	5	225,000	
21	Nguyễn Tiến Đạt	10A4	Cận nghèo	5	225,000	
22	Khiếu Huy Mạnh	10A5	Cận nghèo	5	225,000	
23	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10A6	Cận nghèo	5	225,000	
24	Vũ Thị Huyền Trang	10A6	Cận nghèo	5	225,000	
25	Trần Thị Thu Huyền	10A6	Cận nghèo	5	225,000	
26	Nguyễn Thị Dinh	10A8	Cận nghèo	5	225,000	
27	Nguyễn Phương Anh	10A9	Cận nghèo	5	225,000	
28	Nguyễn Thị Xuân Nhi	10A9	Cận nghèo	5	225,000	
29	Trần Thị Tố Uyên	10A9	Cận nghèo	5	225,000	
30	Tạ Thị Thanh Xuân	10A9	Cận nghèo	5	225,000	
31	Dương Thị Linh	10A10	Cận nghèo	5	225,000	
32	Ngô Văn An	11A1	Cận nghèo	5	225,000	
33	Ngô Quỳnh Chi	11A1	Cận nghèo	5	225,000	
34	Mai Đức Duy	11A1	Cận nghèo	5	225,000	
35	Hoàng Vũ Tuyết Lan	11A1	Cận nghèo	5	225,000	
36	Đinh Thị Dung	11A2	Cận nghèo	5	225,000	
37	Nguyễn Minh Nghĩa	11A2	MSLĐ	5	225,000	
38	Đinh Thị Hà Linh	11A3	Cận nghèo	5	225,000	



39	Nguyễn Thanh Thảo	11A3	Cận nghèo	5	225,000	
40	Ninh Thị Phương Linh	11A4	Cận nghèo	5	225,000	
41	Văn Thị Thúy	11A4	Cận nghèo	5	225,000	
42	Vũ Đức Khoa	11A5	Cận nghèo	5	225,000	
43	Lê Thị Minh Ánh	11A8	Cận nghèo	5	225,000	
44	Tổng Thị Huế	11A8	Cận nghèo	5	225,000	
45	Ngô Thị Phương Mai	11A9	Cận nghèo	5	225,000	
46	Vũ Đình Chuyên	11A10	Cận nghèo	5	225,000	
47	Đặng Thanh Bình	12A1	Cận nghèo	5	225,000	
48	Lê Thị Xuân Mai	12A2	Cận nghèo	5	225,000	
49	Đinh Thị Kiều Trang	12A2	Cận nghèo	5	225,000	
50	Đồng Thị Khánh Linh	12A3	Cận nghèo	5	225,000	
51	Bùi Thị Hoa Quỳnh	12A4	Cận nghèo	5	225,000	
52	Đoàn Thị Ngọc Diệp	12A5	Cận nghèo	5	225,000	
53	Dương Thị Thảo Nhi	12A5	Cận nghèo	5	225,000	
54	Vũ Thị Hương	12A7	Cận nghèo	5	225,000	
55	Vũ Thị Thảo	12A8	Cận nghèo	5	225,000	
56	Ngô Thị Khánh Vân	12A8	Cận nghèo	5	225,000	
57	Trần Mỹ Hạnh	12A9	Cận nghèo	5	225,000	
58	Phạm Thị Hà My	12A9	Cận nghèo	5	225,000	
59	Nguyễn Thị Vi	12A9	Cận nghèo	5	225,000	





SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo QĐ số 28/QĐ- THTPPVN ngày 15/05/2025)

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT	Ghi chú
1	Đỗ Thị Hồng Na	10A1	Hộ nghèo	5	750,000	
2	Đinh Ngọc Sơn	10A4	Khuyết tật	5	750,000	
3	Đinh Duy Mạnh	10A4	Khuyết tật	5	750,000	
4	Phạm Thị Thảo Nguyên	10A5	Hộ nghèo	5	750,000	
5	Vũ Quỳnh Anh	10A9	Hộ nghèo	5	750,000	
6	Nguyễn Hải Yến	10A10	Khuyết tật	5	750,000	
7	Thắm Thị Yến	11A10	Hộ nghèo	5	750,000	
8	Nguyễn Thị Lành	12A5	Hộ nghèo	5	750,000	
9	Đinh Thị Mỹ Huyền	12A9	Mồ Côi	5	750,000	
10	Nguyễn Thị Thu Thủy	12A9	Hộ nghèo	5	750,000	